

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

đã được kiểm toán

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2-3
Báo cáo Kiểm toán	4
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	5-18
Bảng cân đối kế toán	5-6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9-18

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall là công ty cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán.

Tên giao dịch là: WALL STREET SECURITIES COMPANY, tên viết tắt là WSS.

Theo Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 86/UBCK-GP ngày 20/12/2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 168.000.000.000 VND (Một trăm sáu mươi tám tỷ đồng). Tương đương 16.800.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Tú	Chủ tịch
Bà Phạm Diễm Hoa	Phó chủ tịch thường trực
Ông Phạm Đức Long	Phó chủ tịch
Bà Phạm Thị Lợi	Ủy viên
Ông Ngô Tiên Minh	Ủy viên
Ông Hà Ngọc Hồng	Ủy viên
Ông Phạm Xuân Phương	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc bao gồm:

Bà Phạm Diễm Hoa	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đức Long	Phó Tổng giám đốc thường trực
Ông Trần Quốc Dũng	Phó Tổng giám đốc
Bà Vũ Ngọc Lan	Phó Tổng giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trần Đình Tùng	Trưởng ban
Bà Đặng Thanh Lan	Ủy viên
Bà Đào Thị Bích Khánh	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

TM. Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc

Phạm Diễm Hoa

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall**

**Hội đồng Quản trị
Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall được lập ngày 10 tháng 03 năm 2009, gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 được trình bày từ trang 5 đến trang 18 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng được nêu trong Thuyết minh Báo cáo tài chính- mục III.3, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo này thay thế cho Báo cáo kiểm toán số 153 /2009/BC.KTTC-AASC.KT3 ngày 10 tháng 03 năm 2009.

Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2009

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán
Phó Tổng giám đốc**

Kiểm toán viên

Nguyễn Quốc Dũng
Chứng chỉ KTV số: 0285/KTV

Hoàng Thị Thu Hương
Chứng chỉ KTV số: 0899/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2008	31/12/2007
100	A TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN		86,487,879,470	167,253,353,082
110	I Tiền	III.1	41,677,991,325	148,129,532,889
111	1 Tiền mặt tại quỹ		1,893,586,849	1,564,590,391
112	2 Tiền gửi ngân hàng		12,400,055,879	146,564,942,498
114	4 Tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán		9,876,348,597	
117	7 Các khoản tương đương tiền		17,508,000,000	
120	II Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và đầu tư ngắn hạn khác		33,248,118,110	-
121	1 Chứng khoán tự doanh	III.3	34,746,610,622	-
126	4 Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư ngắn hạn (*)	III.3	(1,498,492,512)	-
130	III Các khoản phải thu		11,053,748,990	923,604,974
133	3 Phải thu của tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán		700,000,000	
134	4 Ứng trước cho người bán		6,479,476,975	923,604,974
137	7 Phải thu khác	III.4	3,874,272,015	-
150	V Tài sản lưu động khác		508,021,045	18,200,215,219
151	1 Tạm ứng		372,438,783	18,174,000,000
152	2 Chi phí trả trước	III.5	118,882,262	23,515,219
156	4 Tài sản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	III.6	16,700,000	2,700,000
200	B TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN		94,523,690,659	3,409,712,707
210	I Tài sản cố định	III.7	4,040,904,300	604,580,926
211	1 Tài sản cố định hữu hình		4,040,904,300	604,580,926
212	- Nguyên giá		4,708,181,508	604,580,926
213	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(667,277,208)	-
220	II Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn và đầu tư dài hạn khác		86,310,000,000	-
221	1 Đầu tư chứng khoán dài hạn của Công ty chứng khoán	III.3	46,910,000,000	-
224	4 Đầu tư dài hạn khác	III.8	39,400,000,000	-
240	IV Tài sản dài hạn khác		4,172,786,359	2,805,131,781
241	1 Kỹ quỹ, ký cược dài hạn	III.9	1,544,903,242	1,304,135,726
242	2 Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	III.10	120,000,000	-
243	3 Tài sản dài hạn khác	III.11	2,507,883,117	1,500,996,055
250	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		181,011,570,129	170,663,065,789

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2008	31/12/2007
300	A NỢ PHẢI TRẢ		10,661,120,553	1,074,823,514
310	I Nợ ngắn hạn		10,661,120,553	1,074,823,514
318	6 Phải trả người bán		202,177,485	-
319	7 Người mua ứng trước		75,000,000	-
323	9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	III.12	201,448,036	617,649,774
324	10 Phải trả nhân viên		32,296,435	-
327	13 Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		249,300,000	-
328	14 Phải trả phải nộp khác	III.13	24,550,000	457,173,740
332	16 Thanh toán giao dịch chứng khoán của người đầu tư		9,876,348,597	-
400	B NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	III.14	170,350,449,576	169,588,242,275
410	I Vốn góp ban đầu		168,000,000,000	168,000,000,000
411	1 Vốn của các bên góp vốn		168,000,000,000	168,000,000,000
430	III Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối		2,350,449,576	1,588,242,275
432	2 Quỹ dự phòng tài chính		76,220,730	-
438	4 Lợi nhuận chưa phân phối		2,274,228,846	1,588,242,275
450	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		181,011,570,129	170,663,065,789

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2008	31/12/2007
006	6 Chứng khoán lưu ký của thành viên trong nước		28,108,650,000	-
009	- Chứng khoán giao dịch của người đầu tư thành viên trong nước		28,108,650,000	-

Lập, ngày 10 tháng 03 năm 2009

Người lập

Trưởng phòng kế toán

Tổng Giám đốc

Lê Thị Huyền

Nguyễn Thị Thu Hằng

Phạm Diễm Hoa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2008

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2008
01	1 Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	III.15	18,962,778,129
02	Doanh thu môi giới chứng khoán cho người đầu tư		1,577,889,576
03	Doanh thu hoạt động tự doanh chứng khoán		9,236,479,682
06	Doanh thu tư vấn tài chính		951,423,811
07	Doanh thu lưu ký chứng khoán cho người đầu tư		51,322,600
08	Hoàn nhập dự phòng, các khoản trích trước		-
09	Doanh thu về vốn kinh doanh		7,145,662,460
11	2 Các khoản giảm trừ doanh thu		-
			-
12	3 Doanh thu thuần		18,962,778,129
			-
13	4 Thu lãi đầu tư	III.16	814,000,000
			-
14	5 Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán và lãi đầu tư		19,776,778,129
			-
15	6 Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	III.17	11,616,596,543
			-
20	7 Lợi nhuận gộp		8,160,181,586
			-
30	8 Chi phí quản lý doanh nghiệp	III.18	8,588,055,825
			-
40	9 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		(427,874,239)
			-
41	Các khoản thu nhập ngoài hoạt động kinh doanh		2,092,000,000
42	Các khoản chi phí ngoài hoạt động kinh doanh		901,918,460
			-
50	10 Lợi nhuận ngoài hoạt động kinh doanh		1,190,081,540
			-
60	11 Tổng lợi nhuận trước thuế		762,207,301
			-
61	12 Lợi nhuận tính thuế		(51,792,699)
			-
70	13 Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	III.19	-
			-
80	14 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		762,207,301

Người lập

Trưởng phòng kế toán

Tổng giám đốc

Lê Thị Huyền

Nguyễn Thị Thu Hằng

Phạm Diễm Hoa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2008

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2008
	I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		(77,587,717,565)
01	1 Tiền thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		72,998,664,118
02	2 Tiền thu từ thu nhập ngoài hoạt động KD chứng khoán		-
03	3 Tiền thu từ các khoản nợ phải thu		104,179,538,406
04	4 Tiền đã trả cho người bán		(92,465,536,790)
05	5 Tiền đã nộp thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước		(682,125,458)
06	6 Tiền đã trả cho các khoản nợ phải trả		(60,821,440,981)
07	7 Tiền thực chi cho chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán		(4,257,929,232)
08	8 Tiền thực chi cho chi phí quản lý doanh nghiệp		(1,073,210,254)
09	9 Tiền thực chi cho chi phí ngoài hoạt động kinh doanh chứng		(95,465,677,374)
	II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		(28,472,483,819)
11	1 Tiền mua TSCĐ, XDCB		(1,096,793,061)
12	2 Tiền thu, chi về thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-
13	3 Tiền đầu tư vào các đơn vị khác		(53,200,000,000)
14	4 Thu hồi vốn từ các khoản đầu tư vào đơn vị khác		19,000,000,000
15	5 Các khoản chi phí khác cho hoạt động đầu tư		-
16	6 Thu lãi đầu tư		6,824,309,242
	III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		(394,679,000)
21	1 Tiền thu góp vốn của chủ sở hữu		-
23	3 Tiền vay		74,800,000,000
24	4 Tiền trả nợ vay		(74,800,000,000)
25	5 Trả lãi tiền vay		(394,679,000)
26	6 Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của hoạt động tài chính		-
51	Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ đánh giá lại cuối kỳ		3,338,820
60	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(106,454,880,384)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ		148,129,532,889
80	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ		41,677,991,325

Lập, ngày 10 tháng 03 năm 2008
Tổng giám đốc

Người lập

Trưởng phòng kế toán

Lê Thị Huyền

Nguyễn Thị Thu Hằng

Phạm Diễm Hoa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2008

I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall là công ty cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán.

Vốn điều lệ của Công ty là: 168.000.000.000 VND (Một trăm sáu mươi tám tỷ đồng). Tương đương 16.800.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Chứng khoán.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 86/UBCK-GP ngày 20/12/2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

II . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Công ty chứng khoán ban hành theo Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13/06/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|----------------------|-------------|
| - Máy móc, thiết bị | 03 - 07 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 năm |
| - Phần mềm quản lý | 03 năm |

Nguyên tắc ghi nhận chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đỉnh danh để tính tái vốn trái phiếu bán ra.

Dự phòng giảm giá đối với chứng khoán đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Chứng khoán ngân quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Chứng khoán ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

III . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO MỘT SỐ KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1 . Tiền

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	1,893,586,849	1,564,590,391
Tiền gửi ngân hàng	12,400,055,879	146,564,942,498
Tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán	9,876,348,597	-
Các khoản tương đương tiền	17,508,000,000	-
Cộng	41,677,991,325	148,129,532,889

2 . Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm (VND)
a) Của Công ty Chứng khoán	18,887,580	548,052,414,756
- Cổ phiếu	9,443,790	274,026,207,378
b) Của người đầu tư		
Tổng cộng	18,887,580	548,052,414,756

3 . Chứng khoán tự doanh

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	3,346,610,622	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	78,310,000,000	-
Cộng	81,656,610,622	-

Dự phòng giảm giá chứng khoán

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	1,498,492,512	-
Cộng	1,498,492,512	-

Chi tiết chứng khoán tự doanh và dự phòng giảm giá chứng khoán

Cổ phiếu niêm yết	Số lượng	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị thị trường VND	Dự phòng VND
HPG	55,560	3,247,985,364	1,750,140,000	1,497,845,364
KLS	80	1,548,308	1,072,000	476,308
VCS	10	432,840	262,000	170,840
Cộng	55,650	3,249,966,512	1,751,474,000	1,498,492,512

Cổ phiếu chưa niêm yết được ghi nhận theo giá mua do không có cơ sở để đánh giá giá trị thị trường của những cổ phiếu này tại ngày 31/12/2008.

Tình hình nắm giữ chứng khoán

Loại chứng khoán đầu tư	Chứng khoán công ty nắm giữ đến 31/12/2008		Tổng số chứng khoán công ty niêm yết đã phát hành		
	Số lượng (1)	Giá trị	Số lượng (3)	Giá trị theo mệnh giá (4)	Tỷ lệ (5=1/3)
1. Cổ phiếu niêm yết		3,346,610,622		3,986,025,900,000	
Tập đoàn Hòa Phát	55,560	3,191,819,986	198,000,000	1,980,000,000,000	0.03%
Công ty CP chứng khoán Kim Long	80	1,548,308	97,052,590	970,525,900,000	0.000082%
Tổng Cty CP Bảo hiểm Dầu khí VN	5,000	152,809,488	103,550,000	1,035,500,000,000	0.0048%
CTCP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex	10	432,840			
2. Cổ phiếu chưa niêm yết		78,310,000,000		1,041,861,000,000	
Công ty CP xây dựng hạ tầng Sông Đà	45,000	1,400,000,000	1,100,000,000	11,000,000,000,000	0.004%
Ngân hàng Thương mại CP Kiên Long	2,000,000	30,000,000,000	85,000,600	850,006,000,000	2.353%
Công ty cổ phần may Đức Giang	700,000	21,000,000,000	5,185,500	51,855,000,000	13.499%
Công ty CP Khoáng sản thiên đức	530,000	6,900,000,000	5,000,000	50,000,000,000	10.600%
CTCP xây dựng và phát triển đô thị	106,500	19,010,000,000	900,000	90,000,000,000	11.833%
3. Chứng khoán khác		-		-	
Tổng cộng		81,656,610,622		5,027,886,900,000	

4 . Các khoản phải thu khác

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Lãi tiền gửi dự tính	605,047,169	-
Phải thu khác	3,269,224,846	
Cộng	3,874,272,015	-

5 . Chi phí trả trước

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn		
Chi phí trả trước khác	118,882,262	23,515,219
Cộng	118,882,262	23,515,219

6 . Tài sản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Đặt cọc khác	16,700,000	2,700,000
Cộng	16,700,000	2,700,000

7 . Tài sản cố định

a) Tăng giảm tài sản cố định

Xem chi tiết tại Phụ lục 01

b) Tình hình đầu tư tài sản cố định và trang thiết bị

Vốn điều lệ tính đến ngày 31/12/2008	TSCĐ và trang thiết bị		Tỷ lệ TSCĐ và trang thiết bị so với Vốn điều lệ
	Chỉ tiêu	Giá trị	
168,000,000,000	Nguyên giá	4,708,181,508	0.03
	Khấu hao	(667,277,208)	
	Giá trị còn lại	4,040,904,300	
Cộng	x	x	x

8 . Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Góp vốn đầu tư	34,400,000,000	
Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm	5,000,000,000	-
Cộng	39,400,000,000	-

9 . Ký quỹ, ký cược dài hạn

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Đặt cọc thuê nhà	1,544,903,242	1,304,135,726
Cộng	1,544,903,242	1,304,135,726

10 . Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Số đầu năm		
Tặng quỹ hỗ trợ thanh toán	120,000,000	-
Cộng	120,000,000	-

11 . Tài sản dài hạn khác

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	2,507,883,117	1,500,996,055
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	
Cộng	2,507,883,117	1,500,996,055

12 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Thuế GTGT	110,036,614	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	65,655,200	617,649,774
Các loại thuế khác	25,756,222	-
Cộng	201,448,036	617,649,774

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Các khoản phải trả, phải nộp khác	24,550,000	457,173,740
Cộng	24,550,000	457,173,740

14 . Vốn chủ sở hữu

a) Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
I. Nguồn vốn kinh doanh	168,000,000,000	-	-	168,000,000,000
1. Vốn góp ban đầu	168,000,000,000			168,000,000,000
2. Vốn bổ sung	-	-	-	-
3. Chứng khoán ngân quỹ th	-	-	-	-
II. Các quỹ và lợi nhuận	1,588,242,275	838,428,031	76,220,730	2,350,449,576
1. Quỹ đầu tư phát triển			-	-
2. Quỹ dự phòng tài chính	-	76,220,730	-	76,220,730
- Dự trữ pháp định				-
- Dự trữ theo điều lệ công ty		38,110,365		38,110,365
- Dự trữ bất thường	-	-	-	-
- Dự trữ khác	-	38,110,365	-	38,110,365
3. Quỹ dự phòng TCMVL	-		-	-
4. Lợi nhuận chưa phân phối	1,588,242,275	762,207,301	76,220,730	2,274,228,846
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi				-
Tổng cộng	169,588,242,275	838,428,031	76,220,730	170,350,449,576

b) Tình hình thu nhập của vốn chủ sở hữu

Năm 2008

VND

Tổng lợi nhuận sau thuế	762,207,301
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	
- Các khoản điều chỉnh tăng	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	762,207,301
Cổ phiếu phổ thông bình lưu hành quân trong kỳ	16,800,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	45

15 . Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán

#

Năm 2008

VND

Doanh thu môi giới chứng khoán cho người đầu tư	1,577,889,576
Doanh thu hoạt động tự doanh chứng khoán	9,236,479,682
Doanh thu quản lý doanh mục đầu tư cho người đầu tư	-
Doanh thu bảo lãnh đại lý phát hành chứng khoán	-
Doanh thu tư vấn tài chính	951,423,811
Doanh thu lưu ký chứng khoán cho người đầu tư	51,322,600
Hoàn nhập dự phòng, các khoản trích trước	-
Doanh thu về vốn kinh doanh	7,145,662,460
Doanh thu khác	-
Cộng	18,962,778,129

16 . Thu lãi đầu tư

Năm 2008

VND

Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	814,000,000
Khác	-
Cộng	814,000,000

17 . Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán

Năm 2008

VND

Chi phí kinh doanh theo yếu tố	10,118,104,031
Chi phí môi giới chứng khoán cho người đầu tư	841,925,733
Chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán	4,928,373,979
Chi phí tư vấn tài chính	507,657,951
Chi phí lưu ký chứng khoán cho người đầu tư	27,384,564
Chi phí về vốn kinh doanh	3,812,761,804
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán	1,498,492,512
Cộng	11,616,596,543

(Đơn vị phân bổ chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán theo tỷ lệ doanh thu tương ứng)

18 . Chi phí quản lý doanh nghiệp

Năm 2008

VND

Chi phí nhân viên	1,974,919,574
Chi phí vật liệu, công cụ lao động	627,034,844
Chi phí khấu hao tài sản cố định	554,222,135
Chi phí thuê, phí, lệ phí	153,376,666
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,604,676,594
Chi phí khác bằng tiền	1,673,826,012
Cộng	8,588,055,825

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp

Năm 2008

VND

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	762,207,301
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	814,000,000
Tổng lợi nhuận tính thuế	(51,792,699)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	0.28
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản cố định/ Tổng tài sản	%	52.22%	2.00%
- Tài sản lưu động/ Tổng tài sản	%	47.78%	98.00%
2. Tỷ suất lợi nhuận			
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	%	3.49%	57.17%
- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn	%	0.45%	0.94%
- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản	%	0.42%	0.93%
3. Tình hình tài chính			
- Tỷ lệ nợ phải trả/ Tổng tài sản	%	5.89%	0.63%
- Khả năng thanh toán			
<i>Hiện thời: TSLĐ/ Nợ ngắn hạn</i>	<i>lần</i>	<i>8.11</i>	<i>155.61</i>
<i>Thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn</i>	<i>lần</i>	<i>8.11</i>	<i>155.61</i>
<i>Thanh toán bằng tiền: Tiền và tương đương tiền/ Nợ ngắn hạn</i>	<i>lần</i>	<i>3.91</i>	<i>137.82</i>

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2009

Người lập

Trưởng phòng kế toán

Tổng giám đốc

Lê Thị Huyền

Nguyễn Thị Thu Hằng

Phạm Diễm Hoa